

Bản án số: 475/2022/HS-PT  
Ngày 18-7-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Minh  
*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hồng Phong  
Ông Phan Văn Yên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 216/2022/HSPT ngày 12 tháng 4 năm 2022. Do có kháng cáo của bà Lê Thảo P người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Kim Y đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2022/HSST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Bị cáo bị kháng cáo:

**Lâm Thu Q**, sinh năm 1955 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Tổ 3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Hoa; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; cha: Ông Lâm Dân (đã chết); mẹ: Bà Lâm Vưu Thị (đã chết); chồng: Ông Bùi Văn Ngọc (đã chết); con: 04 con, lớn sinh năm 1975, nhỏ sinh năm 1982;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 18/8/2020 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:***

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 và bà Đặng Thị Kim Y, sinh năm 1955; cùng địa chỉ: 19B, xóm Đất, Phường 8, Quận 11, Thành phố H. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T bà Y: Bà Lê Thảo P, sinh năm 1984; địa chỉ: 137 D2 đường số 11 khu phố 9, phường T, quận T, thành phố H. có mặt)

*(Trong vụ án còn có các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/11/1997, Lâm Thu Q được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 787978 với diện tích 581m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 97 (số thửa cũ 160, tờ bản đồ số 18), tọa L tại thị trấn L, huyện L, tỉnh B.

Theo quyết định công nhận sự thỏa T của các đương sự số 04/2009/QĐST-DS ngày 18/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh B thì Q đồng ý sát nhập 581m<sup>2</sup> đất nói trên vào lô đất của gia đình với tổng diện tích 5.716,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 181, 182, 212, 191+ 6, 25 tờ bản đồ số 97+ 104, tọa L tại thị trấn L, huyện L, tỉnh B. Theo thỏa thuận, các lô đất được phân chia ký hiệu là: A, B, C, D, E, F, G, H, I theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L lập cụ thể như sau:

- Ông Lâm K (sinh năm 1949, Nơi cư trú: 904 Lầu 9 khu A, chung cư M, đường A, Phường 16, Quận 8, thành phố H) được quyền sử dụng 538m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+ 104 ký hiệu là thửa A.

- Ông Lâm Kinh L (sinh năm 1957, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) được quyền sử dụng 498,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+ 104 ký hiệu là thửa B.

- Bà Lâm Thu Y (sinh năm 1965, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) được quyền sử dụng 492m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+104 ký hiệu là thửa C.

- Bà Lâm Thu B (sinh năm 1956, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) được quyền sử dụng 313,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+ 104 ký hiệu là thửa D.

- Ông Lâm Kinh T (sinh năm 1963, Nơi cư trú: Pháp) được quyền sử dụng 590,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+ 104 ký hiệu là thửa E.

- Ông Lâm Kinh Thế (sinh năm 1961, Nơi cư trú: Pháp) được quyền sử dụng 562,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+ 104 ký hiệu là thửa F.

- Bà Lâm Thu Q được quyền sử dụng 581,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+ 104 ký hiệu là thửa G.

- Bà Lâm Thu M (sinh năm 1958, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) được quyền sử dụng 547,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+ 104 ký hiệu là thửa H.

- Bà Nguyễn Lâm N (sinh năm 1971, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) được quyền sử dụng 65,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+ 104 ký hiệu là thửa I.

Sau khi được Tòa án nhân dân tỉnh B công nhận sự thỏa T trên, trong lúc chờ UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các lô đất trên. Bằng thủ đoạn gian dối, Q đã tự ý bán đất của người khác cũng như đất của mình cho nhiều người để chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

**I. Đối với thửa đất ký hiệu F của ông Lâm Kinh T** (diện tích 562,1m<sup>2</sup> thửa 191 (cũ 169) tờ bản đồ số 97 + 104 (cũ 18) tại thị trấn L, huyện L):

Thời điểm này Q vẫn còn đứng tên và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 787978 nói trên. Q đã dùng giấy chứng nhận QSD đất này để giao dịch với những người sau:

1. Từ ngày 19/11/2009 đến ngày 10/4/2012, Lâm Thu Q vay của bà Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1976, Nơi cư trú: 60/18 P, Phường 7, thành phố V) số tiền 620.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc trả nợ, Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có công chứng) đối với thửa đất ký hiệu F cho bà H.

Sau đó, Q tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có công chứng) đối với thửa đất ký hiệu F cho những người sau:

2. Ngày 04/3/2011, Q chuyển nhượng cho bà Vũ Thị T (sinh năm 1983, Nơi cư trú: 36/7 N, Phường 12, thành phố V) 91m<sup>2</sup> đất lấy 120.000.000 đồng.

3. Ngày 03/4/2011, Q chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Q (sinh năm 1971, Nơi cư trú: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh B) 91m<sup>2</sup> đất lấy 116.000.000 đồng. Ngày 14/4/2019, ông Q đã chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị P, sinh năm 1960, trú tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

4. Ngày 13/4/2011, Q chuyển nhượng cho ông Bùi Văn Đ (sinh năm 1979, Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh T) 56m<sup>2</sup> đất lấy 78.000.000 đồng.

5. Ngày 22/4/2011, Q chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc G (sinh năm 1981, Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh T) 91m<sup>2</sup> đất lấy 106.000.000 đồng.

6. Ngày 26/4/2011, Q chuyển nhượng cho ông Bùi Văn M (sinh năm 1987, Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh T) 65m<sup>2</sup> đất lấy 90.000.000 đồng.

7. Ngày 22/4/2011, Q chuyển nhượng cho ông Bùi Văn H (sinh năm 1988, nơi cư trú: thôn M, xã C, huyện M, tỉnh S) 120m<sup>2</sup> đất lấy 240.000.000 đồng.

**II. Đối với thửa đất ký hiệu H của bà Lâm Thu M** (diện tích 547,3m<sup>2</sup> thửa 191 (cũ 158) tờ bản đồ số 97 + 104 (cũ 18) tại thị trấn L, huyện L):

Dù không được sự đồng ý của bà M, nhưng Q đã tự ý ký hợp đồng (không có công chứng) chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho những người sau:

1. Ngày 30/12/2010, Q chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1985, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 55m<sup>2</sup> đất lấy 35.000.000 đồng.

2. Ngày 30/12/2010, Q chuyển nhượng cho ông Hồ Xuân K (sinh năm 1977, Nơi cư trú: khu phố H, huyện X, thị trấn L, huyện L) 55m<sup>2</sup> đất lấy 35.000.000 đồng. Ngày 05/10/2011, ông Kiên đã chuyển nhượng lại cho bà Trần Thùy D, sinh năm 1990, trú tại 5 Ô5/20 Kp H, thị trấn Phước H, huyện Đất Đỏ.

3. Ngày 22/02/2011, Q chuyển nhượng cho ông Trương Văn Đ (sinh năm 1965, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 120m<sup>2</sup> đất lấy 80.000.000 đồng.

4. Ngày 01/4/2011, Q chuyển nhượng cho bà Trương Thị Thu L (sinh năm 1986, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 55m<sup>2</sup> đất lấy 35.000.000 đồng.

5. Ngày 23/3/2012, Q chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu T (sinh năm 1977, Nơi cư trú: khu phố T Hòa, phường T Long, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền G) 67,5m<sup>2</sup> đất lấy 90.000.000 đồng.

6. Ngày 01/4/2011, Q chuyển nhượng cho bà Trần Huyền T (sinh năm 1988, Nơi cư trú: tổ 3, khu phố H, thị trấn L, huyện L) 55m<sup>2</sup> đất lấy 35.000.000 đồng.

**III. Đối với thửa đất ký hiệu G của Lâm Thu Q** (diện tích 581,8m<sup>2</sup> thửa 191 (cũ 159) tờ bản đồ số 97 + 104 (cũ 18) tại thị trấn L, huyện L):

Theo quyết định công nhận sự thỏa T của các đương sự số 04 ngày 18/8/2009 của TAND tỉnh B thì Lâm Thu Q được quyền sử dụng 581,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 97+ 104 ký hiệu là thửa G. Sau khi được chia đất, ngày 01/7/2010, Q gửi đơn đến UBND huyện L xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ký hiệu G. Trong thời gian chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Q đã ký hợp đồng (không có công chứng) chuyển nhượng thửa đất G cho những người sau:

1. Ngày 17/8/2010, Q chuyển nhượng cho bà Lê Kim Đ (sinh năm 1957, Nơi cư trú: ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu) 68m<sup>2</sup> đất lấy 60.000.000 đồng.

2. Ngày 20/10/2010, Q chuyển nhượng cho bà Phạm Thị N (sinh năm 1959, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 63,3m<sup>2</sup> đất lấy 60.000.000 đồng. Ngày 20/3/2019, bà N đã chuyển nhượng lại cho ông Tôn Đ T, sinh năm 1971, trú tại tổ 3, Kp H, Thị trấn L, L.

3. Ngày 22/12/2010, Q chuyển nhượng cho bà Trần Thị Lan C (sinh năm 1987, Nơi cư trú: ấp 7, xã H, huyện X) 63,3m<sup>2</sup> đất lấy 70.000.000 đồng. Ngày 20/3/2019, bà C đã chuyển nhượng lại cho ông Tôn Đ T, sinh năm 1971, trú tại tổ 3, Kp H, Thị trấn L, L.

4. Ngày 01/01/2011, Q chuyển nhượng cho ông Lê Ngọc T (sinh năm 1982, Nơi cư trú: khu phố H Hà 1, thị trấn L, huyện L) 70m<sup>2</sup> đất lấy 50.000.000 đồng.

5. Ngày 04/02/2011, Q chuyển nhượng cho ông Võ Văn T (sinh năm 1970, Nơi cư trú: khu phố H Hà 2, thị trấn L, huyện L) 156m<sup>2</sup> đất lấy 210.000.000 đồng. Hiện ông TH đã chết, người đại diện là ông Võ Nguyễn Duy T, sinh năm 1992, trú tại KP H Hà 2, L, L.

6. Ngày 06/3/2011, Q chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1974, Nơi cư trú: ấp H, xã huyện L) 66m<sup>2</sup> đất lấy 70.000.000 đồng.

7. Ngày 06/7/2011, Q chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1976, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 54m<sup>2</sup> đất lấy 50.000.000 đồng.

8. Ngày 06/7/2011, Q chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1976, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 54m<sup>2</sup> đất lấy 50.000.000 đồng.

Đến ngày 12/7/2011, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 717998 đối với thửa đất ký hiệu G cho Lâm Thu Q. Ngày 28/12/2011, Q vay của bà Nguyễn Thị Kiều D (sinh năm 1972, Nơi cư trú: khu phố T, phường P, thị xã P) số tiền 350.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc trả nợ, Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có công chứng) đối với thửa đất ký hiệu G cho bà D.

Sau đó, Q bỏ trốn để không thực hiện tiếp thủ tục chuyển nhượng đất theo quy định cho bà Đ, bà N, bà Lan C, ông T, ông T, bà T, bà X, bà N và cũng không trả tiền cho bà D nên bà D đã đề nghị và được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ký hiệu G.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất mới, bà D đã tách thửa 248, tờ bản đồ 97 thành 4 thửa là 248, 260, 261 và 262 và được cấp 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó chuyển nhượng lại cho 2 người. Đối với thửa 248 và

261, bà D chuyển nhượng cho ông H, bà L; ông H, bà L chuyển nhượng lại cho ông G, bà N1; ông G, bà N1 chuyển nhượng lại cho ông T, bà Y. Đối với thửa 260 và 262, bà D chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà Y, bà H.

**IV. Đối với thửa đất ký hiệu B của ông Lâm Kinh L** (diện tích 498,3m<sup>2</sup> thửa 191 (cũ 148) tờ bản đồ số 97 + 104 (cũ 18) tại thị trấn L, huyện L):

Sau khi quyết định công nhận sự thỏa T của các đương sự có hiệu lực pháp luật, ông L đã nhờ bà Q phân thửa đất ký hiệu B của mình thành nhiều lô nhỏ để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Sau đó, Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có công chứng) đối với thửa đất ký hiệu B cho những người sau:

1. Ngày 02/7/2011, Q chuyển nhượng cho ông Trần Bá T (sinh năm 1965, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 55m<sup>2</sup> đất lấy 75.000.000 đồng.

2. Ngày 02/7/2011, Q chuyển nhượng cho ông Nguyễn Doãn H (sinh năm 1974, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 55m<sup>2</sup> đất lấy 75.000.000 đồng.

3. Ngày 04/7/2011, Q chuyển nhượng cho ông Nguyễn Doãn Việt (sinh năm 1974, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 55m<sup>2</sup> đất lấy 75.000.000 đồng.

4. Ngày 18/7/2011, Q chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghiêu (sinh năm 1976, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 60m<sup>2</sup> đất lấy 50.000.000 đồng.

5. Ngày 17/7/2011, Q chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Tú (sinh năm 1976, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 60m<sup>2</sup> đất lấy 60.000.000 đồng.

6. Năm 2012, Q chuyển nhượng cho ông Cao Văn Nhượng (sinh năm 1968, Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) 102m<sup>2</sup> đất lấy 133.000.000 đồng.

Sau khi Q bỏ trốn, những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Q nói trên đã thỏa T với ông L đưa thêm cho ông L 200.000.000 đồng, ông L đã phân thửa đất thành 06 lô đất nhỏ và trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có công chứng) cho những người nói trên. Ông L, T, ông H, ông Việt, ông Nghiêu, ông Tú, ông Nhượng đã có đơn xin rút đơn tố giác Q.

**Về trách nhiệm dân sự:**

- Bà Hà yêu cầu Q trả lại 620.000.000 đồng.
- Bà T, ông Quân, ông Đồng, bà Giàu, ông M, ông Hợp, bà Thuận, ông Kiên, ông Diệp, bà Lan, ông T, bà Đ, bà N, bà Lan C, ông T, ông TH (đã chết, đại diện là ông Võ Nguyễn Duy T), bà T, bà X, bà T và bà N yêu cầu Q trả lại tiền hoặc tiếp tục thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất nói trên.
- Ông T, ông H, ông V, ông N, ông T, ông Ng không yêu cầu bồi thường.
- Bà D đề nghị được công nhận quyền sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng của Q.

**Kết quả giám định:**

Theo Kết luận giám định số 489/PC54-Đ3 ngày 26/01/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận: Chữ ký và chữ viết trên các loại giấy sang nhượng đất, hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, giấy bán đất do 19 người cung cấp đều do Lâm Thu Q ký và viết ra.

**Về vật chứng vụ án:** 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 787978 do UBND huyện L1 (nay là huyện L) cấp ngày 06/11/1997, đã được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, ông Hà Văn T và bà Đoàn Thị Đ không phải là đương sự trong vụ án nhưng có mặt và cung cấp các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có mục người bán ghi chữ ký, chữ viết Lâm Thu Q. Qua xem xét bản chính bị cáo Lâm Thu Q không thừa nhận ký; viết tại các bản hợp đồng này và cho rằng chưa từng gặp ông Tiến; bà Đào. Tại phiên tòa, ông Tiến, bà Đào và bị cáo cùng thống nhất sau khi có kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản cáo trạng số 49/CT-VKS-P2 ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố bị cáo Lâm Thu Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2022/HS-ST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo **Lâm Thu Q** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt: Lâm Thu Q13 (mười ba) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/8/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 08/3/2022, bà Lê Thảo P là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Kim Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lâm Thu Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Lê Thảo P người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Kim Y rút một phần kháng cáo, chỉ kháng cáo phần trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Cấp sơ thẩm tách phần trách nhiệm dân sự riêng và dành quyền khởi kiện cho các đương sự trong đó có ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Kim Y là phù hợp quy định pháp luật, Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thảo P. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thảo P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời trình bày của bà Lê Thảo P người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Kim Y tại phiên tòa hôm nay, lời khai của bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lâm Thu Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2]. Đơn kháng cáo của bà Lê Thảo P nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Thảo P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Q đã sang nhượng giấy tay lô đất ký hiệu G có diện tích 581,8m<sup>2</sup>, thửa 191 (cũ 159), tờ bản đồ số 97+104 (cũ 18) cho 8 người gồm: bà Lê Kim Đ, bà Phạm Thị N, bà Trần Thị Lan C (sau đó, bà N, bà C sang nhượng giấy tay lại cho ông Tôn Đức T), ông Lê Ngọc T (sau đó, ông T sang nhượng giấy tay lại cho bà Trần T D), ông Võ Văn T (đã chết, người đại diện thừa kế là ông Võ Nguyễn Duy T), bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị N. Những người này đã trả đủ tiền và đã nhận đất xây nhà. Ngày 12/7/2011 UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 717998 đối với thửa đất ký hiệu G. Q ký hợp đồng công chứng sang nhượng cho bà Nguyễn Kiều D để cầm trừ số tiền vay nợ 350.000.000 đồng và giao sổ đỏ cho bà D. Sau khi chỉnh lý sang tên bà D tách thành 4 thửa 248, 260, 261 và 262 tương ứng với 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà D sang nhượng cho ông Biện X H và bà Nguyễn Thị Cẩm L thửa 248, 261 (sau đó, ông H và bà L sang nhượng lại cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị N1. Sau đó, ông G, bà N1 tiếp tục sang nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Kim Y. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tách phần trách nhiệm dân sự riêng và dành quyền khởi kiện cho các đương sự trong đó có ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Kim Y là phù hợp.

[4]. Tại phiên tòa, bà Lê Thảo P là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Kim Y không trình bày được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thảo P.

[5]. Ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Kim Y được miễn án phí dân sự phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thảo P, giữ nguyên Bản án hình sự

sơ thẩm số 15/2022/HSST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B về phân trách nhiệm bồi thường dân sự đối với ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Kim Y.

Căn cứ vào Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lphí tòa án;

Dành quyền khởi kiện cho các đương sự có liên quan là ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Kim Y khi có yêu cầu bằng vụ án dân sự liên quan đến tài sản nêu trên.

Ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Kim Y không PH chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Minh**